

Số: /DT-KHTH
(DỰ THẢO)

An Phú, ngày 22 tháng 9 năm 2025

NIÊM YẾT CÔNG KHAI
DỰ THẢO KẾ HOẠCH THU- CHI DO HỌC SINH ĐÓNG GÓP
Năm học 2025- 2026

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực GD, đào tạo năm học 2025-2026 của SGD&ĐT thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và các danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở đào tạo giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mặt đồng phục và lễ phục tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên;

Căn cứ Công văn số 5758/SGDĐT-VP ngày 20/8/2025 của SGD&ĐT TP Hải Phòng; Công văn số 109/BHXXH-TST ngày 19/8/2025 của BHXH cơ sở Nam Sách-TP Hải Phòng về việc thực hiện thu BHYT học sinh năm học 2025- 2026;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2026/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Liên Bộ y tế -GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Bản chào phí BH của Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Hải Dương (địa chỉ số 89 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị; TP Hải Phòng; điện thoại 0983.172.777) về việc triển khai bảo hiểm học sinh năm học 2025- 2026 đối với HS lớp 1,2,3;

Căn cứ Bản chào phí BH của Công ty Bảo hiểm Bảo Long (địa chỉ tầng 5, toàn nhà Vĩnh Lộc; số 188 đường Trường Chinh; phường Lê Thanh Nghị; TP Hải Phòng điện thoại 02203.833.999) về việc triển khai bảo hiểm học sinh năm học 2025- 2026 đối với HS lớp 4,5 và CBGV, NV;

Thông các biên bản kiểm kê đồ dùng bán trú, biên bản kiểm kê cuối năm của nhà trường do ban đại diện CMHS cũ và nhà trường đã kiểm kê cuối năm học 2024 - 2025 để làm các căn cứ thực hiện xây dựng dự thảo;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ các cấp, năm học 2025- 2026.

Trường Tiểu học Cộng Hòa và Ban đại diện CMHS các lớp cùng nhau thống nhất xây dựng Dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản do học sinh đóng góp năm học 2025- 2026, cụ thể như sau:

*** Tổng số học sinh toàn trường: 936 học sinh**

Trong đó:



- Số học sinh có HCKK, khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo: Dự kiến: 35 em
- Số HS dự kiến nộp: **901 em**
- Số học sinh dự kiến ăn bán trú: **600 em**

I. Thực hiện các khoản thu theo quy định:

1- Tiền Bảo hiểm y tế năm học 2025- 2026 (bắt buộc): Mức thu thực hiện theo *Hướng dẫn số 109/BHXH- TST ngày 19/8/2025 về việc thực hiện thu BHYT học sinh năm học 2025- 2026*;

Mức đóng hằng tháng bằng 4,5% mức tiền lương cơ sở tại thời điểm và được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% mức đóng bằng $4,5\% \times 2.340.000 \text{ đồng} \times 50\% \times \text{số tháng tham gia}$

- **HS lớp 1:** Mức đóng BHYT : Phần trách nhiệm đóng 50% = bằng mức tiền lương cơ sở (hiện nay là 2.340.000 đồng) x với số tháng tham gia BHYT nhân với 50%. (Nhà nước hỗ trợ 50 %) ;

+ Trẻ tham gia 15 tháng: 789.750 đồng (trẻ sinh từ 01/10/2019 trở về trước)

+ Trẻ tham gia 14 tháng: 737.100 đồng (trẻ sinh từ 02/10/2019 đến 01/11/2019)

+ Trẻ tham gia 13 tháng: 684.450 đồng (trẻ sinh từ 02/11/2019 đến 01/12/2019)

+ Trẻ tham gia 12 tháng: 631.800 đồng (trẻ sinh từ 02/12/2019 đến 31/12/2019)

- **HS lớp 2,3,4,5: 631.800 đồng ;**

(Những HS đã có thẻ : Con bộ đội, Công an, hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ, thân nhân người có công .. yêu cầu phô tô thẻ BHYT nộp cho nhà trường)

2. Dự kiến thu phí BHYT thành 2 đợt.

+ Đợt 1: Đối với khối lớp 1. (xong trước 15/9/2025)

+ Đợt 2: Đối với khối lớp 2,3,4,5 (xong trước ngày 30/11/2025)

II. Các khoản thu tự nguyện.

1. Bảo hiểm thân thể:

1.1. Kế hoạch thu:

- Học sinh: $901 \text{ học sinh} \times 200.000 \text{đ/hs/năm học} = 180.200.000 \text{đ}$

Tổng cộng **= 180.200.000đ**

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng chẵn)

1.2. Kế hoạch chi:

Chi nộp về cơ quan bảo hiểm theo quy định số thu được = **180.200.000đ**

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu hai trăm ngàn đồng chẵn)

2. Quỹ ban đại diện CMHS (Quỹ lớp) :

- Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS (Thực hiện theo thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011): Do ban đại diện cha mẹ của các lớp tự vận động các bậc CMHS ủng hộ trên tinh thần tự nguyện. Kinh phí sau khi vận động sẽ được Ban đại diện CMHS họp bàn và trích 30% về quỹ Ban đại diện CMHS toàn trường để hoạt động. Số còn lại để ban đại diện CMHS của lớp hoạt động phục vụ lớp.

III. Các khoản thu tự nguyện có thỏa thuận: (Nhà trường tiến hành họp CMHS và cho CMHS thỏa thuận. Nhà trường chỉ thực hiện khi được CMHS đồng ý)

1. Phí thực hiện công tác bán trú: (Dự kiến 600 em ăn bán trú)

1.1. Tiền ăn:

+ **Kế hoạch thu**

- Mức thu thỏa thuận: 21.000đ/1hs/1bữa

+ **Kế hoạch chi:**

- **Tiền ăn học sinh:** CMHS đóng tiền ăn của học sinh cho nhà trường theo tháng (hoặc kỳ học tùy theo tự nguyện của CMHS). Nếu ngày nào học sinh nghỉ phụ huynh báo cho GVCN để không báo ăn cho HS. Hàng ngày, giáo viên của lớp theo dõi và chấm ăn. Cuối tháng giáo viên tổng hợp số suất ăn trong một tháng của HS cho bộ phận kế toán để tổng hợp, đối chiếu. Cuối mỗi tháng bộ phận kế toán nhà trường sẽ tổng hợp suất ăn của từng HS đối chiếu với số tiền CMHS nộp, nếu thiếu CMHS phải nộp thêm, nếu thừa nhà trường sẽ chuyển sang các tháng tiếp theo hoặc trả lại cho CMHS (nếu học sinh dùng ăn bán trú).

* Chi mua suất ăn theo đúng chế độ ăn hàng ngày của HS cân đối đảm bảo đúng thực đơn mà nhà trường đã xây dựng: 01 bữa/ngày (01 bữa ăn chính).

1.2. Tiền chăm sóc phục vụ bán trú (Trả người trông trưa, quản lý...)

+ **Kế hoạch dự kiến chi: (01 tháng)**

- Hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng trực quản lý, mức chi : từ 360 đồng /1HS/ngày x 600 HS/1 người = 4.320.000đ/tháng x 3 người = 12.960.000 đ/tháng

- Kế toán phụ trách làm hồ sơ bán trú, mức chi từ : 240 đồng /1HS/ngày x 600 HS/1 người = 2.880.000đ/tháng x 1 người

- Thủ quỹ, y tế làm công tác thu tiền, quyết toán tiền ăn bán trú, mức chi từ 240 đồng /1HS/ngày x 600 HS/1 người = 2.880.000đ/tháng x 1 người

- Nhân viên làm công tác quét dọn nhà ăn bán trú, chia cơm canh...mức chi từ 240 đồng /1HS/ngày x 600 HS/1 người = 2.880.000đ/tháng x 1 người

- Chi tiền công 15 giáo viên, NV chăm sóc cho HS ăn, trông trưa học sinh ăn bán trú: mức chi từ : 3.650 đồng/1HS/ngày; TC=3.650 đồngx 20 buổi x 600 HS = 43.800.000 đồng /1tháng /15 người

- Chi tiền công 30 GV chủ nhiệm theo dõi, tuyên truyền HS mức chi 250 đ/tháng /1HS (250 đồng x 600 HS x 20 buổi = 3.000.000đ/1 tháng /30 GVCN)

***Vậy tổng chi hết: 68.400.000 đồng/1 tháng**

+ **Kế hoạch định mức thu:**

- Kế hoạch tổng số tiền chi là: 5.700 đồng /1 HS/ 1 ngày x 20 buổi x 600 HS = 68.400.000 đồng/1 tháng => Vậy dự kiến mức thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú là: **114.000đ/HS/tháng (20 buổi)**

1.3 Tiền phụ phí bán trú (chất đốt, điện, nước, nước tẩy, rửa phục vụ bán trú)

+ **Kế hoạch dự kiến chi:(01 tháng)**

ST T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng g/ ngày	Số lượng dùng 1 tháng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					(đồng)	(đồng)	
1	Nước sạch	Khối	5	110	12.000	1.320.000	
2	Điện sinh hoạt	KW	68,65	1510,3	1.805	2.726.000	
3	Nước rửa tay	Chai	2	44	34.000	1.496.000	
4	Nước lau sàn	Chai		15	90.000	1.350.000	

	(loại nhỏ)					
5	Giấy đa năng	Bịch	2	44	45.000	1.980.000
6	Xà phòng giặt	Túi		2	119.000	238.000
7	Băng dính dán lưu mẫu TA	Cuộn		1	15.000	15.000
8	Khăn lau tay	Cái		8	20.000	160.000
9	Khăn lau bàn ăn	Cái		10	15.000	150.000
10	Cây lau nhà	Bộ		1	700.000	700.000
11	Chổi cước	Cái		1	45.000	45.000
12	Chổi chít	Cái		2	45.000	90.000
13	Khau hót	Cái		1	30.000	30.000
14	Giặt chần, chiếu	Lần		1	500.000	500.000
Tổng cộng						10.800.000

(Bảng chữ: mười triệu tám trăm đồng chần)

+ **Kế hoạch định mức thu:**

- Kế hoạch tổng số tiền chi là: 10.800.000 đồng

10.800.000 đ/1 tháng/600 hs = **18.000đ/hs/tháng.**

=> Vậy mức thu tiền phụ phí sinh hoạt Bán trú đối với học sinh ăn bán trú là: **18.000đ/HS/tháng.**

1.4 Tiền bổ sung đồ dùng bán trú:

+ **Kế hoạch dự kiến chi:** ĐVT: đồng

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chiếu cói	Chiếc	12	480.000	5.760.000	
2	Thảm trải giường	Cái	16	650.000	10.400.000	
3	Rèm phòng ngủ	Tám	12,141	540	6.556.000	
10	Chăn ngủ	Chiếc	31	300.000	9.300.000	
	Cộng				32.016.000	

Tổng chi: 32.016.000đ đồng

(Bảng chữ: Ba mươi hai triệu không trăm mười sáu đồng chần)

+ **Kế hoạch định mức thu:**

- Kế hoạch tổng số tiền chi là: 32.000.000đ/160 học sinh = 200.000đ/hs/năm học (chỉ thực hiện đối với học sinh lớp 1)

=> Vậy mức thu tiền bổ sung đồ dùng bán trú là: **200.000đ/HS/năm học(HS lớp 1).**

*** Trong các khoản thu - chi tiền ăn: Phần triết khấu trên Hóa đơn hàng ngày, số tiền do triết khấu còn lại: cuối mỗi kỳ, nhà trường tổng hợp mua sửa cho HS uống**

*** Cha mẹ HS nộp tiền ăn cho con theo tháng cho thủ quỹ của nhà trường.**

Thời gian thu: Từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng tại cổng bảo vệ. Học sinh nghỉ không ăn có lý do, CMHS báo GVCN trước 7h10 nhà trường có trách nhiệm trả lại tiền ăn bữa đó cho HS.

* Đối với các khoản thu phụ phí, trông chăm sóc và sinh hoạt bán trú tính thu theo tháng: Nhà trường và Ban đại diện CMHS thống nhất nếu học sinh không tham gia ăn từ bán trú từ 11 bữa trở lên/tháng thì thu 1/2 tháng, còn lại thì thu cả tháng để đảm bảo các định mức thu chi theo kế hoạch.

2. Tiền nước uống cho học sinh.

+ **Kế hoạch dự kiến chi:**

1 học sinh x 0,5 bình/tháng x 9 tháng x 901 hs x 14.000đ/bình = 56.763.000đ

+ **Kế hoạch định mức thu:**

- Kế hoạch tổng số tiền thu là: 56.763.000đ

=> Vậy mức thu tiền nước uống là: 7.000đ/HS/tháng.

3. Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh

+ **Kế hoạch dự kiến chi:**

+ Chi công LĐ dọn VS sân trường, lớp học: Từ 4.000.000 đến 5.500.000đ/ người/tháng x 2 người x 9 tháng = **99.000.000 đ**

+ Chi công lao động dọn nhà vệ sinh: Từ 3.000.000 đến 4.000.000 đ/ người/tháng x 1 người x 9 tháng = **36.000.000 đ**

+ Công đồ rác : 1.000.000 đồng/người /tháng x 1 người x 9 tháng = **9.000.000 đồng**

+ Chi dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn: 22.500. 0000

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dụng cụ vệ sinh	Chiếc	110	30.000	3.290.000	
2	Ủng	đôi	10	50,000	500.000	
3	Găng tay	đôi	56	25.000	1.400.000	
4	Nước thơm	chai	138	26.000	3.600.000	
5	Giấy vệ sinh	Túi	85	45.000	3.824.000	
6	Nước tẩy rửa	Chai	121	35.000	4.236.000	
7	Bột thông cống	Túi	117	15.000	1.750.000	
8	Nước lau sàn	Chai	156	25.000	3.900.000	
	Tổng cộng				22.500.000	

*Tổng chi: 99.000.000 đ + 36.000.000 đ + 9.000.000 đ + 22.500.000 = **166.500.000 đ**

=> Vậy mức thu tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh là: 166.500.000 đ : 925 HS : 9 tháng = **20.000đ/HS/tháng.**

4. Tiền học Kỹ năng sống: Nhà trường hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Kỹ năng sống VIETSUN giảng dạy cho HS; HS có nhu cầu đăng ký học trên tinh thần tự nguyện

Thời lượng: 01 tiết /01 tuần được dạy bởi giáo viên có trình độ chuyên sâu về kỹ năng sống-giá trị sống.

Học phí: 15.000 VNĐ/ học sinh/ 1 tiết/ tuần.

5. Tiền học Giáo dục STEM: Trường Tiểu học Cộng Hoà liên kết, hợp đồng với Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Kỹ năng sống VIETSUN thông báo chương trình triển khai hoạt động Giáo dục STEM cho học sinh nhà trường trong năm học 2025-2026 ; HS có nhu cầu đăng ký học trên tinh thần tự nguyện, nội dung như sau:

Thời lượng: 01 tiết /01 tuần do giáo viên trong nhà trường thực hiện đã được Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Kỹ năng sống VIETSUN tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ về tổ chức hoạt động giáo dục STEM.

Học phí: 12.500 VNĐ/ học sinh/ 1 tiết/ tuần.

Học liệu: 6.250 VNĐ/ học sinh/ 1 tiết/ tuần.

* **Số tiền thu KNS; Giáo dục STEM:** nhà trường chuyển trả 100% số tiền về công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Kỹ năng sống VIETSUN để công ty thực hiện thanh toán cho người dạy và các chi phí khác theo quy định Nhà trường

IV. Các khoản thu không quy định mức thu, mức trần:

1. Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu HS: Thu theo thực tế số điện năng sử dụng trên công tơ đồng hồ điện các lớp: Thu làm 2 đợt

V. Các khoản CMHS tự mua sắm cho HS:

1. Đồng phục: Thực hiện theo Thông tư 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên. Cha mẹ học sinh có thể lấy mẫu theo quy định của nhà trường để tự may hoặc mua cho học sinh. Mẫu theo năm học 2024- 2025 của nhà cung cấp.

2. Sách giáo khoa : Cha mẹ tự mua cho HS theo nhu cầu.

VI. Ủng hộ, tài trợ; Đối tượng miễn giảm:

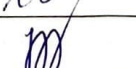
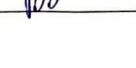
1. Đối với các khoản ủng hộ, tài trợ: CMHS và các tổ chức cá nhân tự nguyện ủng hộ hoặc tài trợ tùy theo, nhà trường thành lập ban để tiếp nhận (nếu có); không yêu cầu bắt buộc và không quy định mức ủng hộ.

2. Đối tượng miễn giảm: học sinh KTHN và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; học sinh hộ nghèo, cận nghèo, con thương binh, bệnh binh.

Trên đây là bản dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp năm học 2025 - 2026 do ban đại diện CMHS và Trường Cộng Hòa thống nhất xây dựng.

Dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp của học sinh năm học 2025 - 2026 sẽ được triển khai thông qua các cuộc họp chi bộ, họp hội đồng sư phạm và cuộc họp phụ huynh học sinh các lớp để họp bàn, lấy ý kiến đóng góp. Sau khi kết thúc quá trình niêm yết công khai bản Dự thảo kế hoạch thu- chi các khoản đóng góp của học sinh năm học 2025 - 2026. Đại diện CMHS các lớp và nhà trường nhất trí giao cho Ban đại diện cha mẹ học sinh của Trường và Lãnh đạo nhà Trường đi đến thống nhất Ban hành kế hoạch thu- chi các khoản đóng góp năm học 2025 - 2026 chính thức để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CMHS

STT	Họ và tên	Ký tên
1	Nghiêm Đình Viết	
2	Nguyễn Như Lượng	
3	Đào Thị Dung	

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Hòa